TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4- LAI CHÂU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 181/2026/HSST
Ngày: 25/8/2026

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4- LAI CHÂU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Văn Bình.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lý Khừ Xá; Ông Phạm Duy Hải.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Thào Thị Nhung- Thư ký viên Tòa án nhân dân khu vực 4- Lai Châu.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4- Lai Châu tham gia phiên tòa:* Bà Lò Thị Kẻo- Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 8 năm 2026 tại trụ sở TAND khu vực 4- Lai Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 204/2026/TLST-HS ngày 10 tháng 8 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 201/2026/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 8 năm 2026 đối với bị cáo:

Lò Văn T, sinh năm 1984, tại xã N, tỉnh Lai Châu.

Nơi ĐKHKTT và chỗ ở: Bản N, xã N, tỉnh Lai Châu; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 09/12; Chức vụ đoàn thể, chính quyền: Không; Dân tộc: Thái; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Lò Văn T1, sinh năm 1961; con bà Lò Thị T2, sinh năm 1963; Bị cáo có vợ Khoàng Thị Đ, sinh năm 1984 và có 04 con, con lớn nhất sinh năm 2003, con nhỏ nhất sinh năm 2021; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 04/6/2026 đến nay, hiện đang bị tạm giam tại Phân trại tạm giam Mường Tè thuộc Trại tạm giam Công an tỉnh L. Có mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Đinh Văn S, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Tổ dân phố P, xã N, tỉnh Lai Châu. Có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 01/6/2026, tại khu vực tổ dân phố N, tỉnh Lai Châu, Lò Văn T, sinh

năm 1984, trú tại bản N, xã N, tỉnh Lai Châu đã gặp và mua được của một người đàn ông, lạ mặt (T không biết họ, tên và chỗ ở của người này) 02 gói ma túy (trong đó 01 gói nhựa thuốc phiện được gói bằng mảnh nilon màu vàng và 01 gói Heroine được gói bằng mảnh nilon màu trắng) với giá 400.000 đồng, để sử dụng và bán kiếm lời. Sau khi mua được ma túy, T cất giấu trong túi quần bên phải T đang mặc rồi về nhà. Đến khoảng 13 giờ cùng ngày, tại nhà ở của T, T đem gói nhựa thuốc phiện như đã mô tả ở trên cất giấu trong hòm sắt dưới gầm giường ngủ của T, còn gói Heroine, T chia làm 03 phần, T sử dụng hết một phần, một phần Toàn gói bằng mảnh giấy màu trắng rồi cất giấu dưới đệm trên giường ngủ của T, phần còn lại T gói lại bằng mảnh nilon màu trắng ban đầu và cất giấu trong túi quần đang mặc. Vào khoảng 18 giờ 30 phút cùng ngày, T mang theo gói Heroine cất trong túi quần rồi đi bắt cá trên sông Đ.

Đến khoảng 22 giờ cùng ngày, Đinh Văn S, sinh năm 1983, trú tại tổ dân phố P, xã N, tỉnh Lai Châu dùng điện thoại di động có số thuê bao 0914.691.883 của S gọi vào số thuê bao 0973.629.038 của T để hỏi mua Heroine để sử dụng thì được T đồng ý rồi hẹn gặp nhau sau trường Trung học phổ thông N thuộc tổ dân phố P, xã N để mua bán Heroine. Sau đó, T lấy gói Heroine trong túi quần ra trích lấy một ít, gói lại bằng mành nilon màu xanh rồi đi đến chỗ hẹn, số Heroine còn lại T gói lại như cũ và giấu trong túi quần T đang mặc. Tại địa điểm hẹn, T3 đã bán cho S 01 gói Heroine được gói ngoài bằng mành nilon màu xanh với giá 200.000 đồng. Bán Heroine xong. T tiếp tục đi thả lưới bắt cá và đã sử dụng hết số Heroine còn lại, còn S sau khi mua được Heroine từ T. Siêng đã sử dụng hết.

Đến hồi 09 giờ ngày 03/6/2026, Công an xã N phối hợp với Trạm y tế xã Nậm Hàng test nhanh chất ma túy đối với Đinh Văn S, kết quả dương tính với chất ma túy loai MOP (Siêng khai nhận đã sử dụng trái phép chất ma túy vào tối ngày 01/6/2026), nguồn gốc ma túy mà S có để sử dụng là S mua được của Lò Văn T vào tối ngày 01/6/2026.

Căn cứ lời khai của Đinh Văn S: Vào hồi 11 giờ 45 phút ngày 04/6/2026. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh L đã tiến hành triệu tập Lò Văn T để làm việc. Quá trình làm việc T khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, đồng thời giao nộp số tiền 200.000 đồng, do tiền bán H cho S mà có cho tổ công tác. Ngoài ra, tổ công tác thu giữ của T 01 chiếc điện thoại di động, nhãn hiệu Tecno Spark Go 2, màu xanh ngọc, loại cảm ứng, gắn thẻ sim mang Viettel số thuê bao 0973.629.038; thu giữ của Siêng 01 chiếc điện thoại di động, nhãn hiệu Xiaomi Poco C75, màu xanh trắng, loại cảm ứng, gắn thẻ sim mạng Vinaphone số thuê bao 0914.691.883.

Đồng thời, vào hồi 17 giờ 30 phút, cùng ngày Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an tỉnh L tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở, người đối với Lò Văn T. Quá trình khám xét khẩn cấp chỗ ở của T tại bản N, xã N, tỉnh Lai Châu, tổ công tác phát hiện, thu giữ trong hòm sắt dưới gầm giường ngủ của T 01 gói nhựa thuốc

phiện, được gói bằng mảnh nilon màu vàng; phát hiện thu giữ dưới đệm trên giường ngủ của T 01 gói Heroine, được gói bằng mảnh giấy màu trắng. Tại chỗ T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Cơ quan Công an đã mời người chứng kiến, lập biên bản và niêm phong toàn bộ vật chứng theo đúng quy định của pháp luật.

Kết luận giám định số 566 ngày 09/6/2026 của Phòng K Công an tỉnh L kết luận:

"Số chất bột, màu trắng thu giữ của Lò Văn T có khối lượng 0,06 gam; mẫu chất bột, màu trắng (ký hiệu từ M1) thu giữ của Lò Văn T là ma túy, loại Heroine; Số chất nhựa dẻo, màu nâu đen thu giữ của Lò Văn T có khối lượng 3.55 gam; mẫu chất nhựa dẻo, màu nâu đen (ký hiệu từ M2) thu giữ của Lò Văn T là ma túy, loại nhựa thuốc phiện"

Kết luận giám định số 567 ngày 10/6/2026 của Phòng K Công an tỉnh L kết luận:

"01 tờ tiền Việt Nam, mệnh giá 100.000 đồng, có mã số hiệu: FH 25668475; 02 tờ tiền Việt Nam, mệnh giá 50.000 đồng, có mã số hiệu lần lượt: BV 23979866; PZ 24725569 gửi giám định là tiền thật."

Tại bản cáo trạng số 98/CT- VKSKV4 ngày 10/8/2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4- Lai Châu truy tố bị cáo Lò Văn T về tội "Mua bán trái phép chất ma túy" theo quy định tại khoản 1 Điều 251 Bộ luật hình sự. Tại phiên tòa Kiểm sát viên giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Lò Văn T phạm tội "Mua bán trái phép chất ma túy". Áp dụng khoản 1, khoản 6 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50 Bộ luật hình sự. Đề nghị xử phạt bị cáo Lò Văn T từ 03 năm 06 tháng đến 04 năm tù, đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung và đề nghị áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 miễn phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Xử lý vật chứng: Đối với 01 gói Heroine có khối lượng 0,06 gam đã gửi hết đi giám định, không hoàn lại mẫu vật nên không đề cập giải quyết. Đối với 2,38 gam nhựa thuốc phiện; 01 chiếc điện thoại di động, nhãn hiệu Tecno Spark Go 2; 01 chiếc điện thoại di động, nhãn hiệu Xiaomi Poco C75, màu xanh trắng; số tiền 200.000 đồng; 01 mảnh giấy màu trắng và 01 mảnh nilon màu vàng. Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự. Tịch thu tiêu hủy 2,38 gam Heroine còn lại sau giám định; 01 mảnh nilon màu vàng, 01 mảnh giấy màu trắng. Tịch thu sung quỹ Nhà nước 01 chiếc điện thoại di động, nhãn hiệu Tecno Spark Go 2; 01 chiếc điện thoại di động, nhãn hiệu Xiaomi Poco C75, màu xanh trắng; số tiền 200.000 đồng

Bị cáo nhất trí với nội dung bản cáo trạng, bản luận tội của Viện kiểm sát và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo mức án thấp nhất trong khoảng đề nghị của Viện kiểm sát.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa và không yêu cầu gì nên không đề cập giải quyết.

Kiểm sát viên giữ nguyên quan điểm truy tố và mức án như đã đề nghị.

Lời nói sau cùng bị cáo xin được giảm nhẹ hình phạt.

Căn cứ vào các chứng cứ tài liệu đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an tỉnh L- Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4- Lai Châu- Kiểm sát viên; trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều phù hợp.

[2] Xét tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên Tòa và trong quá trình điều tra bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Lời nhận tội phù hợp với lời khai nhận tội tại cơ quan điều tra, biên bản thu giữ, niêm phong vật chứng, kết luận giám định về chất ma túy, các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Tòa án đã có đủ căn cứ kết luận: Vào khoảng 22 giờ ngày 01/6/2026, tại đằng sau trường Trung học phổ thông N thuộc tổ dân phố P, xã N, tỉnh Lai Châu Lò Văn T đã có hành vi bán trái phép 01 gói Heroine với giá 200.000 đồng để kiếm lời cho Đinh Văn S để S sử dụng.

Ngoài ra, vào hồi 17 giờ 30 phút, ngày 04/6/2026 tại nhà ở của T, ở bản N, xã N, tỉnh Lai Châu, tổ công tác Công an xã N, tỉnh Lai Châu trong quá trình khám xét khẩn cấp chỗ ở của T đã phát hiện thu giữ các vật chứng của T khi T đang tàng trữ là 0,06 gam Heroine và 3,55 gam Thuốc phiện, mục đích của T là để sử dụng cho bản thân và bán kiếm lời. Như vậy, Lò Văn T phải chịu trách nhiệm về toàn bộ số ma túy mua để bán gồm 0,06 gam Heroine và 3,55 gam nhựa thuốc phiện.

Tổng tỷ lệ phần trăm về khối lượng Thuốc phiện và Heroine Lò Văn T tàng trữ để bán, so với mức tối thiểu của Thuốc phiện và H quy định tại điểm h) và điểm i) khoản 2, Điều 251 của Bộ luật Hình sự là 1,91%. Do đó, hành vi của Lò

Văn T đã phạm vào tội "Mua bán trái phép chất ma túy" theo quy định tại khoản 1 Điều 251 Bộ luật hình sự.

Hành vi nêu trên của bị cáo Lò Văn T là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến khách thể được pháp luật hình sự Việt Nam bảo vệ, đó là chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về chất ma túy. Bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự và biết rõ hành vi phạm tội của mình bị pháp luật nghiêm cấm nhưng để thỏa mãn nhu cầu cá nhân nên vẫn cố ý thực hiện. Hành vi phạm tội của bị cáo không những trực tiếp hủy hoại sức khỏe con người, làm suy thoái giống nòi, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự, an toàn xã hội và an ninh quốc gia mà còn là nguyên nhân chủ yếu làm gia tăng tội phạm khác.

[3] Về tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự thấy: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, bị cáo sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn, bị cáo là lao động chính trong gia đình. Nên cần cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự.

Trên cơ sở tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội và nhân thân của bị cáo về hành vi phạm tội của mình. Hội đồng xét xử xét thấy cần có một mức án phù hợp với hành vi phạm tội của bị cáo, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhằm răn đe, giáo dục bị cáo thành công dân có ích cho xã hội đồng thời để nâng cao ý thức pháp luật trong nhân dân, đảm bảo công tác phòng ngừa chung cho xã hội. Do đó về tội danh, mức hình phạt chính, hình phạt bổ sung, miễn án phí, xử lý vật chứng như đại diện Viện kiểm sát đề nghị là hoàn toàn phù hợp, đúng quy định pháp luật. Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

Bị cáo đề nghị xem xét cho bị cáo mức án thấp nhất trong khung hình phạt, đề nghị xin lại chiếc điện thoại là chưa phù hợp với tính chất, mức độ, hành vi phạm tội, nhân thân; các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, các quy định về xử lý vật chứng. Hội đồng xét xử không chấp nhận.

Đối với đề nghị miễn hình phạt bổ sung, miễn án phí hình sự sơ thẩm của bị cáo là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về hình phạt bổ sung: Theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo thì bị cáo sử dụng ma túy, không có nghề nghiệp ổn định và không có tài sản để đảm bảo thi hành án nên Hội đồng xét xử áp dụng khoản 6 Điều 251 Bộ luật hình sự không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[5] Về nguồn gốc Heroine: T khai mua được của một người đàn ông lạ mặt, không rõ nhân thân, lai lịch. Quá trình điều tra không xác định được người đàn ông này là ai, ngoài lời khai của T không thu thập được tài liệu, chứng cứ khác

nên không có căn cứ để xem xét, xử lý. Hội đồng xét xử chấp nhận và không đề cập giải quyết.

[6] Tại phiên tòa Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có đơn xin xét xử vắng mặt và không yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[7] Tình tiết khác liên quan đến vụ án:

Tại biên bản test nhanh các chất ma túy trong cơ thể lập ngày 03, 04/6/2026 xác định Lò Văn T và Đinh Văn S dương tính với chất ma túy. Quá trình điều tra xác định T, S không thuộc trường hợp quy định tại khoản 1, Điều 256a Bộ luật Hình sự. Do đó hành vi của T và S không đủ yếu tố cấu thành tội "Sử dụng trái phép chất ma túy", Cơ quan điều tra đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với T, S là đúng quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử chấp nhận và không đề cập giải quyết.

[8] Về xử lý vật chứng: Đối với 01 gói Heroine thu giữ của Lò Văn T có khối lượng 0,06 gam đã gửi hết đi giám định, không hoàn lại mẫu vật nên không đề cập giải quyết. Đối với 3,55 gam thuốc phiện thu giữ của Lò Văn T đã trích gửi đi giám định 0,17 gam không hoàn lại mẫu vật, nên không đề cập giải quyết. Vật chứng còn lại 2,38 gam thuốc phiện là vật Nhà nước cấm lưu hành; 01 mảnh nilon màu vàng và 01 mảnh giấy màu trắng, không còn giá trị sử dụng. Cần áp dụng điểm a, điểm c khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a, điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 chiếc điện thoại di động, nhãn hiệu Tecno Spark Go 2 thu giữ của bị cáo Lò Văn T đã dùng vào việc gọi điện bán ma túy cho Đinh Văn S nên cần áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, tịch thu sung quỹ nhà nước.

Đối với 01 chiếc điện thoại di động, nhãn hiệu Xiaomi Poco C75, màu xanh trắng thu giữ của Đinh Văn S đã dùng vào việc mua ma túy. Tại phiên tòa người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có đơn xin vắng mặt và không đề nghị gì, nên cần áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, tịch thu sung quỹ nhà nước.

Đối với số tiền 200.000 đồng là tiền bị cáo Lò Văn T bán ma túy cho Đinh Văn S mà có, nên cần áp dụng điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm b khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, tịch thu sung quỹ nhà nước.

[9] Án phí: Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở vùng III, vùng đặc biệt khó khăn nên cần miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

[10] Quyền kháng cáo: Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các Điều 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1, khoản 6 Điều 251; Điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50 Bộ luật hình sự.

1. Tuyên bố bị cáo Lò Văn T phạm tội "Mua bán trái phép chất ma túy".

Xử phạt bị cáo Lò Văn T 03 *(ba)* năm 06 *(sáu)* tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 04/6/2026.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

2. Xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự. Tịch thu tiêu hủy 2,38 gam thuốc phiện; 01 mảnh nilon màu vàng; 01 mảnh giấy màu trắng.

Tịch thu sung quỹ nhà nước 01 chiếc điện thoại di động, nhãn hiệu Tecno Spark Go 2; 01 chiếc điện thoại di động, nhãn hiệu Xiaomi Poco C75, màu xanh trắng và số tiền 200.000 đồng

3. Án phí HSST: Áp dụng khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

4. Quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331; Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định./.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Lai Châu (01);*
- *VKS ND tỉnh Lai Châu (01);*
- *VKSND khu vực 4- Lai Châu (01);*
- *Phân trại tạm giam Mường Tè- (01);*
- *PC 10; PV 06 CA tỉnh (02);*
- *Phòng THANDS Kv 4- Lai Châu (01);*
- *Bị cáo; NCQLNVLQ (02);*
- *Lưu HSVA (01);*
- *Lưu TA*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Văn Bình